

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

BÀI VIẾT
TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC THI HIỆP
ĐỊNH EVFTA TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA
VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

THUỘC NHIỆM VỤ
“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai
hiệp định EVFTA năm 2025”

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG BÁO CÁO.....	6
I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025.....	6
1. <i>Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU.....</i>	6
2. <i>Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam</i>	7
3. <i>Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU.....</i>	9
4. <i>Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA.....</i>	11
5. <i>Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU.....</i>	12
II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA.....	16
1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU	16
2. Các yếu tố tác động từ Việt Nam.....	17
III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	17
1. Dự báo xu hướng.....	17
2. Một số khuyến nghị.....	19

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EU tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025	6
Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025)	8
Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025	10
Bảng 4: Tóm tắt so sánh cạnh tranh đối với nhóm hàng sắt thép mã HS 7208/ 7209/ 7210 nhập khẩu vào EU	13
Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025	18

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU từ tháng 1 đến T7/2025... 7
Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Đức giai đoạn 7 tháng đầu năm 2020 - 2025 12

TÓM TẮT

Năng lực sản xuất toàn cầu đã vượt xa nhu cầu thực tế (đặc biệt là Trung Quốc) dẫn đến việc các nhà sản xuất phải xuất khẩu với giá thấp, tạo ra cạnh tranh gay gắt, kéo giá thành sản phẩm xuống, cùng với chi phí năng lượng & nguyên liệu đầu vào biến động (giá quặng sắt, than cốc dao động mạnh theo tình hình Trung Quốc và bất ổn địa chính trị) ... đang cản trở sự phục hồi của thị trường sắt thép thế giới. Trong bối cảnh khó khăn chung đó, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam cũng bị ảnh hưởng.

Theo số liệu hải quan Việt Nam, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam tháng 7/2025 đạt 0,79 triệu tấn với trị giá 546,3 triệu USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 10,7% về trị giá so với tháng 6/2025, giảm 23,6% về lượng và giảm 29,5% về trị giá so với tháng 7/2024. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, lượng sắt thép xuất khẩu đạt gần 6,44 triệu tấn với trị giá xấp xỉ 4,24 tỷ USD, giảm 14,4% về lượng và 23,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Tiêu thụ thép ở châu Âu vẫn yếu do xây dựng, sản xuất ô tô và máy móc chững lại nên xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang riêng thị trường EU cũng giảm. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này trong tháng 7/2025 sang EU giảm 0,8% so với tháng 6/2025 và giảm 11,3% so với tháng 7/2024, đạt 159,9 triệu USD, khiến tổng trị giá xuất khẩu sắt thép sang khối thị trường này 7 tháng đầu năm nay chỉ đạt 1,02 tỷ USD, giảm tới 33,6% so với 7 tháng đầu năm ngoái.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sắt thép tháng 7/2025 sang Italia – thị trường lớn nhất trong các nước EU của Việt Nam - giảm 37,66% so với tháng 6/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 giảm 28,51% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 413,55 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép 7 tháng đầu năm nay sang thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam trong các nước EU là Bỉ cũng giảm 37,67% so với 7 tháng đầu năm ngoái, đạt 229,86 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Tây Ban Nha (thị trường lớn thứ ba) trong tháng 7/2025 giảm tới 46,59% so với tháng 7/2024, đạt 40,52 triệu USD, khiến tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2025 sang thị trường này cũng giảm đến 42,07% so với cùng kỳ năm trước, đạt 189,09 triệu USD.

Tuy nhiên, xuất khẩu sang một số thị trường tuy chỉ giữ tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang khối các nước EU như Ba Lan, Đức, Lithuania, Hungary, Phần Lan lại có dấu hiệu tăng trong bối cảnh xuất khẩu sắt thép nói chung của Việt Nam sang nhiều quốc gia trong khối này đang giảm mạnh, minh chứng cho hiệu quả tích cực một phần từ hiệp định EVFTA.

Về cơ cấu các chủng loại sắt thép xuất khẩu sang EU, do tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang EU giảm nên phần lớn các nhóm hàng sắt thép cũng giảm. Trong đó, thép mạ kẽm là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu sang EU cao

nhất, đạt 319,13 triệu USD trong 7 tháng đầu năm nay (chiếm 31,2% tỷ trọng trong cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang EU) nhưng giảm 40,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Kim ngạch xuất khẩu thép cuộn tháng 7/2025 giảm 47,18% so với tháng 6/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 giảm 73,73% so với 7 tháng đầu năm 2024.

Điểm sáng trong cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang EU tháng 7/2025 là thép tấm và thép cây có xu hướng tăng trong bối cảnh xuất khẩu phần lớn các chủng loại sắt thép giảm cả về lượng và trị giá. Theo số liệu hải quan, kim ngạch xuất khẩu thép tấm – nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao thứ hai trong các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang các nước EU - tháng 7/2025 tiếp tục tăng 48,89% so với tháng 6/2025 và tăng 62,21% so với tháng 7/2024, đạt 32,53 triệu USD, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng sang EU 7 tháng đầu năm 2025 lên 179,56 triệu USD, chiếm 17,55% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU, chủ yếu xuất sang Italia và Bỉ. Tương tự, thép cây tuy chỉ chiếm 0,1% tổng kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng sắt thép sang EU nhưng trị giá xuất khẩu thép cây trong 7 tháng đầu năm nay tăng 65,82%, đạt 0,9 triệu USD.

OECD nhận định thị trường thép toàn cầu chưa thể phục hồi trong cuối năm 2025, áp lực dư thừa công suất còn lớn. Các chỉ báo thị trường của Fastmarkets / Eurometal / S&P cho thấy nhu cầu vẫn yếu trong khi sản lượng sản xuất ở các khu vực không giảm, đặc biệt Ấn Độ & Đông Nam Á lại tăng công suất mạnh (Ấn Độ tăng sản lượng đáng kể), nên giá khó phục hồi trước những tháng cuối năm 2025.

Với EU, Eurofer dự báo tiêu thụ thép ở khu vực này năm 2025 sẽ giảm khoảng 0,9% so với 2024 bởi các yếu tố bất lợi như thuế Mỹ, bất ổn thương mại, chi phí năng lượng cao, nhu cầu công nghiệp yếu.

NỘI DUNG BÁO CÁO

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU SẮT THÉP CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG EU TRONG THỰC THI EVFTA TRONG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Tổng quan tình hình xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU

Trong bối cảnh thị trường quốc tế biến động phức tạp cùng áp lực cạnh tranh về giá bởi nguồn cung dồi dào từ Trung Quốc và Ấn Độ, xuất khẩu sắt thép tiếp tục giảm. Theo số liệu hải quan Việt Nam, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam trong tháng 7/2025 đạt 0,79 triệu tấn với trị giá 546,3 triệu USD, giảm 14,9% về lượng và giảm 10,7% về trị giá so với tháng 6/2025, giảm 23,6% về lượng và giảm 29,5% về trị giá so với tháng 7/2024. Tính chung 7 tháng đầu năm 2025, lượng sắt thép xuất khẩu đạt gần 6,44 triệu tấn với trị giá xấp xỉ 4,24 tỷ USD, giảm 14,4% về lượng và 23,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu sắt thép từ Việt Nam sang EU cũng không nằm ngoài xu hướng này.

Bảng 1: Một số chỉ tiêu về xuất khẩu sắt thép sang các thị trường thành viên EVFTA tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

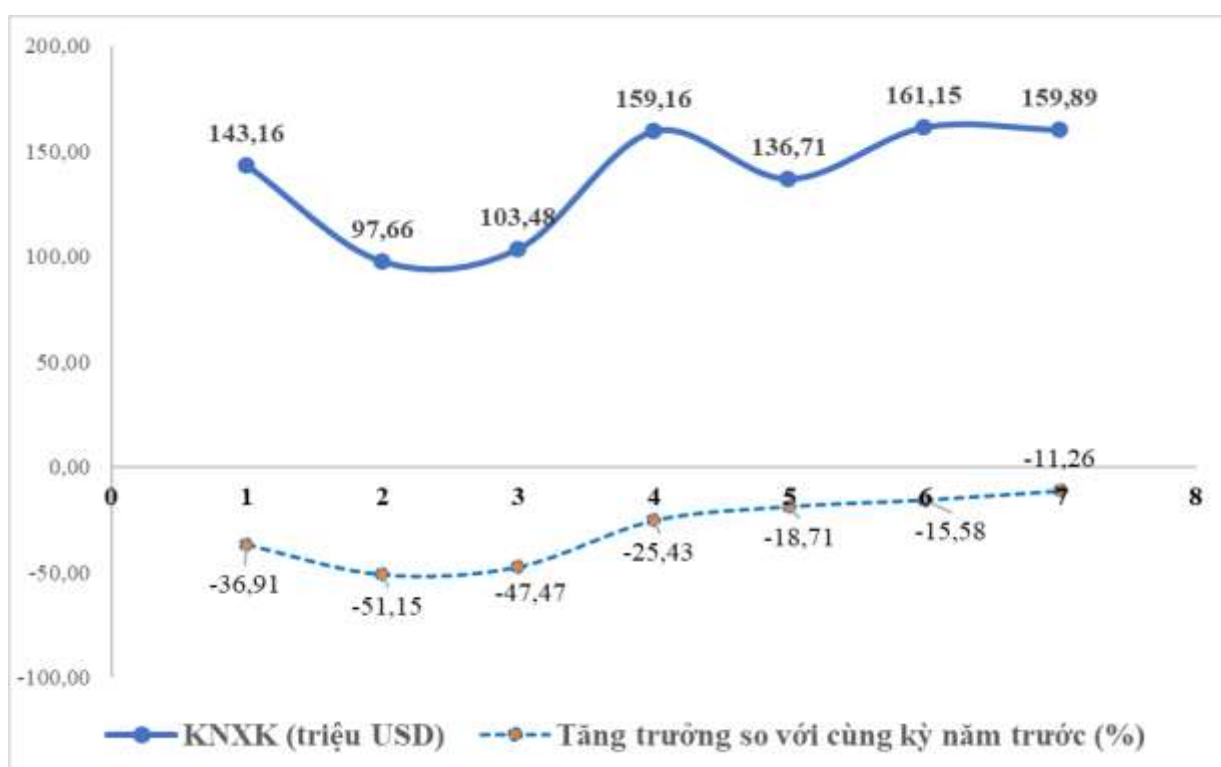
	Tháng 7/2025		T7/2025 so với T6/2025 (%)		T7/2025 so với T7/2024 (%)		7 tháng năm 2025		7T/2025 so với 7T/2024 (%)	
	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng (nghìn tấn)	Trị giá (triệu USD)	Lượng	Trị giá
Tổng KNXX mặt hàng của VN	792,6	546,3	-14,9	-10,7	-23,6	-29,5	6439,9	4.238,50	-14,4	-23,6
KNXX mặt hàng sang các EU		159,9		-0,8		-11,3		1.022,9		-33,6
Tỷ trọng KNXX sang EU trên tổng KNXX mặt hàng (%)		29,3						24,1		

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang riêng thị trường EU cùng chung xu hướng giảm. Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng trong tháng 7/2025 sang EU giảm 0,8% so với tháng 6/2025 và giảm 11,3% so với tháng 7/2024, đạt 159,9 triệu USD, khiến tổng trị giá xuất khẩu sắt thép sang khối thị trường này 7 tháng đầu năm nay chỉ đạt 1,02 tỷ USD, giảm tới 33,6% so với 7 tháng đầu năm ngoái.

Nếu so với những tháng đầu năm nay, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang thị trường EU từ tháng 4/2025 có dấu hiệu phục hồi nhẹ khi trị giá xuất khẩu mặt hàng trong tháng 01/2025 chỉ đạt 143,16 triệu USD, đạt 97,66 triệu USD trong tháng 02/2025 và đạt 103,48 triệu USD trong tháng 3/2025, nhưng đã tăng lên thành 159,16 triệu USD trong tháng 4/2025 và tiếp tục tăng lên mức 161,15 triệu USD trong tháng 6/2025. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước thì trị giá xuất khẩu sắt thép sang EU nói chung vẫn giảm khá với trị giá xuất khẩu mặt hàng tháng 01/2025 giảm 36,91%, tháng 02/2025 giảm 51,15%, tháng 3/2025 giảm 47,47%, tháng 4/2025 giảm 25,43%, đến tháng 7/2025 tuy mức độ suy giảm đã thu hẹp hơn nhưng vẫn giảm 11,26% so với cùng tháng 7/2024.

Biểu đồ 1: Xuất khẩu sắt thép sang thị trường EU từ tháng 1 đến T7/2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

2. Cơ cấu thị trường thành viên EU theo kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam

Nhìn chung, xuất khẩu sắt thép sang hầu hết các thị trường khối EU giảm trong tháng 7 và 7 tháng năm 2025. Kim ngạch xuất khẩu sắt thép tháng 7/2025 sang Italia – thị trường lớn nhất trong các nước EU của Việt Nam - giảm 37,66%

so với tháng 6/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 giảm 28,51% so với cùng kỳ năm 2024, đạt 413,55 triệu USD.

Kim ngạch xuất khẩu sắt thép 7 tháng đầu năm 2025 sang thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của Việt Nam trong các nước EU là Bỉ cũng giảm 37,67% so với 7 tháng đầu năm ngoái, đạt 229,86 triệu USD, chiếm 22,47% tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang EU.

Kim ngạch xuất khẩu sắt thép sang Tây Ban Nha (thị trường lớn thứ ba) trong tháng 7/2025 giảm tới 46,59% so với tháng 7/2024, đạt 40,52 triệu USD, khiến tổng kim ngạch xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2025 sang thị trường này cũng giảm đến 42,07% so với cùng kỳ năm trước, đạt 189,09 triệu USD.

Bảng 2: Xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang từng thị trường thành viên trong EVFTA (tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025)

Thị trường	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	So T6/2025 (%)	So T7/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	So 7T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Tổng KNXK mặt hàng sang EU	159,89	-0,78	-11,26	1.022,92	-33,58	100,00
Italia	54,86	-37,66	13,28	413,55	-28,51	40,43
Bỉ	38,20	43,69	10,10	229,86	-37,67	22,47
Tây Ban Nha	40,52	55,06	-46,59	189,09	-42,07	18,48
Bồ Đào Nha	16,56	385,81	77,29	65,75	-29,01	6,43
Ba Lan	5,28	-31,35	-19,59	47,37	18,55	4,63
Đức	0,38	22,23	-37,28	30,87	591,37	3,02
Pháp	0,15	-96,31	-84,39	12,64	-9,11	1,24
Lithuania	0,10		29,62	11,30	2.033,37	1,10
Hà Lan	1,38	59,09	347,11	5,93	-93,02	0,58
Thụy Điển				4,32	18,08	0,42
Hy Lạp	0,57	78,92	-78,95	3,72	-39,60	0,36

Thị trường	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025		
	KNXK (triệu USD)	So T6/2025 (%)	So T7/2024 (%)	KNXK (triệu USD)	So 7T/2024 (%)	Tỷ trọng của thị trường (%)
Látvia	1,16	1.063,35		2,90	-58,23	0,28
Slovenia	0,03	4,25		1,93	-68,12	0,19
Hunggary	0,33	85,96	39,24	1,18	197,78	0,12
Rumani	0,05			0,73	201,79	0,07
Phần Lan	0,13	-0,22	136,51	0,72	26,99	0,07
CH Séc	0,17		-18,30	0,37	-52,16	0,04
Bungari				0,20	-95,48	0,02
Đan Mạch				0,19	97,87	0,02
Sip				0,18	-69,18	0,02
Ai Len	0,02		-18,92	0,10	-12,74	0,01
Áo				0,02		0,002

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Tuy nhiên, có thể nhìn nhận hiệu quả tích cực một phần từ hiệp định EVFTA đem là xuất khẩu sang một số thị trường tuy chỉ giữ tỷ trọng nhỏ trong tổng kim ngạch xuất khẩu sắt thép của Việt Nam sang khối các nước EU như Ba Lan, Đức, Lithuania, Hungary, Phần Lan lại có dấu hiệu tăng trong bối cảnh xuất khẩu sắt thép nói chung của Việt Nam sang nhiều quốc gia trong khối này đang giảm mạnh. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng 7 tháng đầu năm 2025 sang Ba Lan tăng 18,55% so với cùng kỳ năm ngoái, sang Đức tăng tới 591,37%, sang Lithuania tăng gấp 20 lần, sang Hungary tăng 197,78%, sang Phần Lan tăng 26,99%...

3. Cơ cấu chủng loại mặt hàng sắt thép xuất khẩu sang thị trường EU

Do tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang EU giảm nên phần lớn các nhóm hàng sắt thép cũng giảm. Thép mạ kẽm là nhóm hàng có trị giá xuất khẩu sang EU cao nhất, đạt 319,13 triệu USD trong 7 tháng đầu năm nay (chiếm

31,2% tỷ trọng trong cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang EU) nhưng giảm 40,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Kim ngạch xuất khẩu thép cuộn tháng 7/2025 giảm 47,18% so với tháng 6/2025 và 7 tháng đầu năm 2025 giảm 73,73% so với 7 tháng đầu năm 2024. Tương tự, kim ngạch xuất khẩu thép mạ màu tháng 7/2025 cũng giảm 44,59% so với tháng 6/2025 và giảm 68,43% so với tháng 7/2024, khiến tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng sang EU 7 tháng đầu năm nay giảm 8,26% so với cùng kỳ năm trước.

Điểm sáng trong cơ cấu các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang EU tháng 7/2025 là thép tấm và thép cây có xu hướng tăng trong bối cảnh xuất khẩu phần lớn các chủng loại sắt thép giảm cả về lượng và trị giá. Cụ thể, thép tấm – nhóm hàng có trị giá xuất khẩu cao thứ hai trong các nhóm hàng sắt thép xuất khẩu sang các nước EU - đã tăng liên tục từ tháng 4/2025 đến nay. Kim ngạch xuất khẩu các loại thép tấm tháng 7/2025 tiếp tục tăng 48,89% so với tháng 6/2025 và tăng 62,21% so với tháng 7/2024, đạt 32,53 triệu USD, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng sang EU 7 tháng đầu năm 2025 lên 179,56 triệu USD, chiếm 17,55% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu các chủng hàng sắt thép sang EU. Chủng hàng này được xuất nhiều nhất sang Italia với trị giá chiếm 40,08% tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang thị trường EU và sang Bỉ với trị giá chiếm 35,37%.

Thứ hai là thép cây, tuy chỉ chiếm 0,1% tổng kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng sắt thép sang EU nhưng trị giá xuất khẩu thép cây trong 7 tháng đầu năm nay tăng 65,82%, đạt 0,9 triệu USD, chủ yếu xuất sang Bỉ với trị giá chiếm 75,26% tỷ trọng trên tổng trị giá xuất khẩu chủng hàng sang thị trường EU và xuất sang Italia với tỷ trọng 19,58%.

Bảng 3: Xuất khẩu một số nhóm hàng sắt thép của Việt Nam sang các thị trường khối EU trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

Chủng loại	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (triệu USD)	T7/2025 so với T6/2025 (%)	T7/2025 so với T7/2024 (%)	Trị giá (triệu USD)	7T/2025 so với 7T/2024 (%)
<i>Tổng KNXK mặt hàng sang EU</i>	159,89	-0,78	-11,26	1.022,92	-33,58
Thép mạ kẽm	63,70	41,98	-28,63	319,13	-40,70
Thép tấm	32,53	48,89	62,21	179,56	58,07
Thép cuộn	24,29	-47,18	232,36	117,19	-73,73

Chủng loại	Tháng 7/2025			7 tháng đầu năm 2025	
	Trị giá (triệu USD)	T7/2025 so với T6/2025 (%)	T7/2025 so với T7/2024 (%)	Trị giá (triệu USD)	7T/2025 so với 7T/2024 (%)
Thép mạ màu	8,16	-44,59	-68,43	107,00	-8,26
Thép mạ hợp kim nhôm kẽm	7,11	-39,54	-54,75	99,62	-14,36
Dây thép	1,34	26,73	-20,39	8,50	-11,26
Thép cây	0,11	-64,59		0,90	65,82
Thép mạ thiếc				0,46	-44,20
Thép hình				0,01	
Thép thanh				0,01	-57,80

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Tỷ trọng về kim ngạch xuất khẩu trong cơ cấu các chủng hàng sắt thép xuất sang EU có nhiều thay đổi. Tỷ trọng một số chủng hàng giảm mạnh như thép cuộn giảm từ mức tỷ trọng 28,96% trong 7 tháng đầu năm 2024 xuống mức 11,46% trong 7 tháng đầu năm 2025; thép mạ kẽm giảm từ mức 34,94% xuống mức 31,2%.

Ngược lại, tỷ trọng một số chủng hàng thì tăng khá như thép tấm tăng từ mức 7,38% trong 7 tháng đầu năm ngoái lên mức 17,55% trong cùng kỳ năm nay; thép mạ màu tăng từ mức 7,57% lên mức 10,46%.

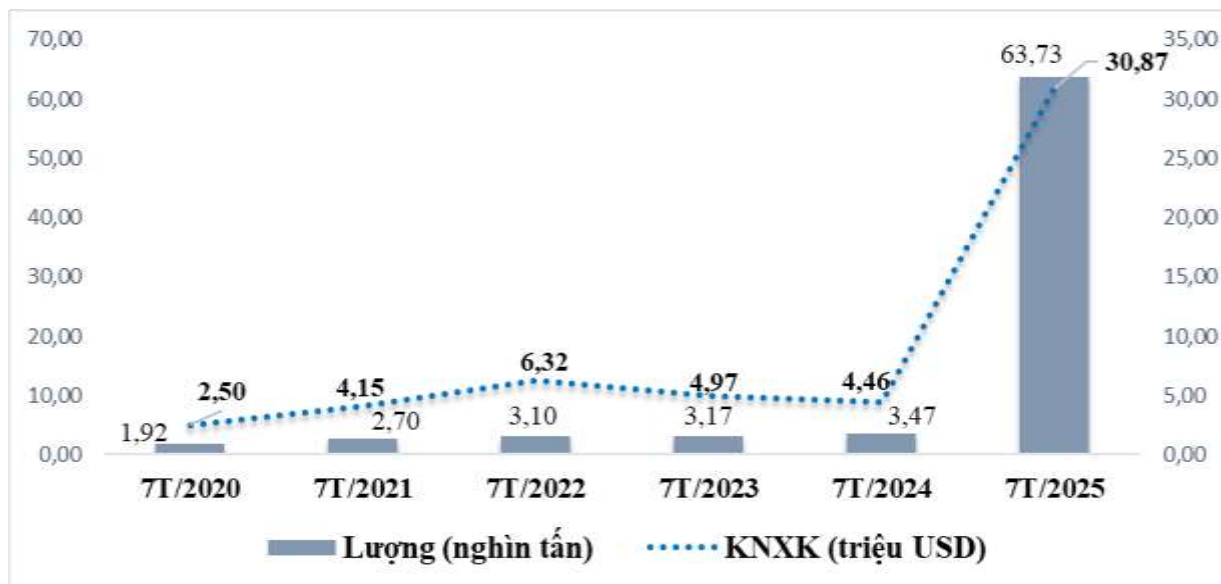
4. Đánh giá tác động của hiệp định EVFTA

Để bảo vệ sản xuất nội địa trong bối cảnh dư cung trên thị trường toàn cầu và nhu cầu tiêu thụ giảm, EU có sự bảo hộ cao đối với sắt thép, áp dụng các biện pháp hạn chế nhập khẩu. Tuy nhiên, nhập khẩu sắt thép của một số nước khối EU từ Việt Nam lại có dấu hiệu tăng, đặc biệt là Đức. Điều này cho thấy hiệu quả tích cực từ hiệp định EVFTA đem lại.

Theo số liệu Trademap, nhập khẩu sắt thép (mã HS 72) vào Đức giảm rõ rệt từ năm 2022 đến nay. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng năm 2023 giảm 20,27% so với năm 2022, và năm 2024 giảm 7,79% so với năm 2023. Tính trong nửa đầu năm 2025, nhập khẩu sắt thép của Đức giảm 3,31% về lượng và giảm 7,89% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Tuy nhiên, nhập khẩu sắt thép của Đức từ Việt Nam lại tăng mạnh. Theo số liệu của Cục Hải quan, xuất khẩu sắt thép của Việt Nam kỳ 7 tháng đầu năm 2025 tăng gấp 32 lần về lượng và 11 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2020 – thời điểm trước khi EVFTA có hiệu lực; tăng gấp gần 23 lần về lượng và 6,4 lần về trị giá so với 7 tháng đầu năm 2021 - giai đoạn EVFTA bắt đầu có hiệu lực; tăng gấp 17 lần về lượng và gần 6 lần về trị giá so với kỳ 7 tháng đầu năm ngoái.

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu hàng sắt thép của Việt Nam sang Đức giai đoạn 7 tháng đầu năm 2020 - 2025



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan Việt Nam

Có thể nói EVFTA mở dần cơ hội thị trường cho sắt-thép Việt Nam, nhưng rào cản kỹ thuật (TBT), yêu cầu quy tắc xuất xứ, và rủi ro biện pháp phòng vệ (anti-dumping/safeguards) cũng sẽ làm hạn chế lợi ích nếu doanh nghiệp không nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc và mô hình giá trị.

Hiệp định EVFTA ưu đãi về thuế nhưng không miễn AD/RoO (bán phá giá/quy tắc xuất xứ). Điều đó có nghĩa là EVFTA chỉ giúp xóa/giảm thuế hải quan nếu mặt hàng được công nhận có xuất xứ Việt Nam (C/O EUR-1 hoặc xuất xứ khai báo). Tuy nhiên, kể cả khi thực thi EVFTA thì thuế chống bán phá giá hoặc các biện pháp phòng vệ khác vẫn có thể áp lên lô hàng vì ưu đãi thuế không chặn thuế AD. Ngoài ra RoO cho thép có nhiều quy tắc (CTH/CTSH/value-content), nếu doanh nghiệp dùng phôi/coil nhập khẩu, có thể không đủ điều kiện hưởng EVFTA.

5. Đánh giá về sức cạnh tranh của mặt hàng sắt thép Việt Nam tại EU

EU là thị trường lớn đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam nói chung và sắt thép nói riêng. Tuy nhiên, dù có lợi thế từ hiệp định EVFTA nhưng Việt Nam vẫn chưa phải là nguồn cung chính sắt thép của EU.

Thổ Nhĩ Kỳ là một trong những nguồn cung lớn nhất cho EU cả về giá trị và khối lượng. Đối thủ này có lợi thế gần về khoảng cách địa lý nên chi phí vận chuyển thấp, mạng lưới thương mại vốn đã mạnh với EU, nhiều sản phẩm thép xây dựng và tấm cuộn phù hợp nhu cầu EU. Nhưng chất lượng sản phẩm không đồng đều, cũng là đối tượng bị điều tra/biện pháp của EU với các sản phẩm nhất định.

Ấn Độ với giá rẻ và năng lực sản xuất mở rộng giúp Ấn Độ trở thành đối thủ đáng kể tại thị trường EU. Điểm mạnh của đối thủ này là chi phí sản xuất cạnh tranh, công suất lớn và đang mở rộng xuất khẩu vào EU nên tăng tốc cải thiện về chất lượng cho một số mã hàng. Nhưng khoảng cách vận chuyển xa hơn so với Thổ Nhĩ Kỳ, một vài chủng loại đã bị giám sát về trợ cấp/giá.

Bảng 4: Tóm tắt so sánh cạnh tranh đối với nhóm hàng sắt thép mã HS 7208/ 7209/ 7210 nhập khẩu vào EU

Mã HS	Các nguồn cung chính của EU	Giá tham khảo (CIF, Euro/tấn, trung bình khoảng giá trong giai đoạn 2024 - Q1/2025)	Rủi ro bị quy kết bán phá giá (AD)	Khả năng hưởng ưu đãi từ EVFTA
--------------	------------------------------------	--	---	---------------------------------------

Mã HS	Các nguồn cung chính của EU	Giá tham khảo (CIF, Euro/tấn, trung bình khoảng giá trong giai đoạn 2024 - Q1/2025)	Rủ ro bị quy kết bán phá giá (AD)	Khả năng hưởng ưu đãi từ EVFTA
7208	Thổ Nhĩ Kỳ; Hàn Quốc; Ấn Độ.	520–620	Cao: do HRC là mặt hàng bị giám sát mạnh. EU đã khởi xướng vụ AD HRC (08/8/2024) và áp provisional AD tháng 4/2025 (Implementing Regulation (EU) 2025/670) đối với một số xuất xứ bao gồm Việt Nam (mức provisional lên tới ~12,1% với một số nhà xuất khẩu; có ngoại lệ cho lô/nhà máy cụ thể). Tương đương với rủi ro bị áp thuế tạm thời/hội tố rất thực tế. (EUR-Lex)	Có khả năng hưởng ưu đãi (có điều kiện). EVFTA cho phép thép VN được hưởng ưu đãi nhưng phải đáp ứng RoO (nếu HRC dùng phôi/billet nhập khẩu không chuyển đổi đủ theo tiêu chí RoO thì không được hưởng). Ngoài ra, nếu sản phẩm bị áp AD, ưu đãi thuế không giúp miễn AD.

Mã HS	Các nguồn cung chính của EU	Giá tham khảo (CIF, Euro/tấn, trung bình khoảng giá trong giai đoạn 2024 - Q1/2025)	Rủ ro bị quy kết bán phá giá (AD)	Khả năng hưởng ưu đãi từ EVFTA
7209	Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ là nguồn lớn cho CRC vào EU (EU cũng nhập từ Thổ Nhĩ Kỳ, Việt Nam tùy mã HS chi tiết).	620 – 760	<u>Trung bình hoặc cao</u> (tùy chủng loại). CRC ít bị nhắm mục tiêu tập trung như HRC nhưng vẫn có nguy cơ AD trên từng chủng loại. Nếu EU điều tra HRC thường mở rộng phạm vi sang các flat-rolled khác.	Có thể hưởng ưu đãi (có điều kiện). Tương tự mã HS 7208: EVFTA áp dụng nếu hàng có xuất xứ VN theo RoO — nhưng vẫn có nhiều nhà máy cold-roll dùng phôi nhập
7210	Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ, Việt Nam (tùy phân đoạn và mã HS nhỏ)	650 - 800	<u>Trung bình:</u> do EU chú ý hơn đến chủng loại HRC/cán phẳng cơ bản; đồng thời HRC/tráng mạ chịu nhiều REACH / TBT (do lớp phủ chứa SVHC), mà vi phạm REACH có thể dẫn tới cấm hoặc chi phí tuân thủ lớn. AD có thể xảy ra nếu giá cạnh tranh quá mức.	Có thể hưởng ưu đãi (có điều kiện). Mặt thành HRC/tráng mạ theo EVFTA cũng được hưởng ưu đãi nếu đủ tiêu chí xuất xứ (lưu ý: trong RoO có nhiều quy tắc chuyển mã HS — một số ống/thép mạ có RoO dạng CTH/CTSH; kiểm tra mã CN/HS cụ thể là bắt buộc).

Nguồn: Tổng hợp từ Eurostat, Fastmarkets.

Trung Quốc cũng là đối thủ cạnh tranh lớn bởi quy mô sản xuất rất lớn, giá xuất khẩu thường ở mức thấp do dư thừa công suất, có thể cạnh tranh về giá ở nhiều chủng loại. Tuy nhiên, EU đã áp nhiều biện pháp phòng vệ chống hàng Trung Quốc, rủi ro thuế AD cho sắt thép của Trung Quốc ở thị trường EU cao và biến động về chính sách khiến EU giám sát chặt.

Ngoài ra, Hàn Quốc và Nhật Bản tuy xuất khẩu vào EU không mạnh như ba quốc gia nói trên nhưng cạnh tranh ở phân khúc chất lượng cao/đặc thù (thép kỹ thuật, tôn chất lượng cao). Cả Hàn Quốc và Nhật Bản có lợi thế về công nghệ sản xuất cao, ổn định chất lượng, cạnh tranh tốt ở phân khúc yêu cầu kỹ thuật và sản phẩm đặc chủng. Nhưng hạn chế là giá cao, ít cạnh tranh ở phân khúc giá rẻ.

II. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XUẤT KHẨU SẮT THÉP TRONG THỰC THI EVFTA

1. Các yếu tố tác động từ thị trường thế giới và thị trường EU

Nhập khẩu thép của EU đang giảm mạnh bởi các biện pháp tự vệ. Lượng thép cuộn cán nóng nhập khẩu vào châu Âu nửa đầu năm 2025 đã giảm 14.4% xuống còn 4 triệu tấn sau khi thay đổi quy định hạn chế sự thâm nhập của hàng nhập khẩu. Nhập khẩu thép cây cũng giảm 5% xuống còn 700.000 tấn.

Lượng nhập khẩu vào khối EU bị hạn chế bởi hạn ngạch, nhưng lượng thép nhập khẩu của EU từ Malaysia và Indonesia lại đang tăng mạnh do được miễn trừ hạn ngạch tự vệ thép. Theo đó, người mua cũng thay đổi mô hình tìm nguồn cung ứng và bắt đầu xem xét các nhà cung cấp phi truyền thống. Trong khi đó, Nhật Bản, Đài Loan và Việt Nam là một số nhà cung cấp bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về quy định nhập khẩu do hạn ngạch hạn chế phân bổ. Ngoài ra, còn có Thổ Nhĩ Kỳ đang được hưởng lợi từ việc có hạn ngạch riêng.

Riêng thép tấm, cơ cấu nguồn cung của EU cũng đang thay đổi với lượng nhập khẩu nhóm hàng này từ Brazil trong tháng 6/2025 tăng 9% so với tháng 5/2025 và tăng 77% so với tháng 6/2024, đạt 104,150 tấn.

Outokumpu – một trong ba nhà sản xuất thép lớn của thế giới – đưa ra nhận định rằng áp lực giá và nhu cầu giảm sẽ tiếp diễn tại châu Âu trong nửa cuối năm 2025.

Tuy nhiên, vẫn có tín hiệu thay đổi tích cực trong hoạt động nhập khẩu thép vào EU khi Mỹ và EU thiết lập một liên minh trong lĩnh vực thép và kim loại như một phần của thỏa thuận thương mại nhằm giảm thiểu tác động từ tình trạng dư thừa công suất của Trung Quốc lên thị trường toàn cầu. Đồng thời, Eurofer - tổ chức đại diện cho các nhà máy thép Châu Âu - đã đệ trình một đơn kiến nghị như cuộc điều tra chống bán phá giá đa quốc gia lên Ủy ban EC vào tháng 8/2025 về hàng CRC nhập khẩu từ Ấn Độ, Đài Loan và Nhật Bản. Điều này phần nào cũng có thể hạn chế được lượng thép nhập khẩu vào EU từ nguồn cung dồi dào như Ấn Độ. Thông qua EVFTA, Việt Nam cũng có thể giảm bớt áp lực cạnh tranh với các đối thủ mạnh nói trên tại thị trường EU.

2. Các yếu tố tác động từ Việt Nam

EC khởi xướng điều tra các lô hàng HRC từ Việt Nam, Ai Cập và Nhật Bản từ ngày 08/8/2024 theo đơn kiện của Hiệp hội Thép châu Âu (EUROFER). Đến ngày 07/4/2025, EC đã áp thuế chống bán phá giá tạm thời theo Quy định thực thi (EU) 2025/670. Đối với Việt Nam, mức thuế chống bán phá giá 12,1% được áp dụng với CTCP Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh và các doanh nghiệp khác.

Theo đó, các lô hàng xuất sang EU có thể phải nộp deposit/thuế tạm thời, làm giảm tính cạnh tranh về giá ngay lập tức. Nếu kết luận cuối cùng xác định là bán phá giá (dumping), thuế chính thức có thể kéo dài nhiều năm.

Mức thuế chống bán phá giá Ủy ban EC quyết định áp dụng với doanh nghiệp Việt Nam

Company	Definitive dumping margin
Formosa Ha Tinh Steel Corporation	12,1 %
Hoa Phat Dung Quat Steel Joint Stock Company	0 %
All other imports originating in Vietnam	12,1 %

Nguồn: Quy định thực thi (EU) 2025/670 ngày 07/4/2025 của EC

Ngoài ra, rủi ro bị thu hồi (retroactive duties), theo cơ chế đăng ký, nêu vụ điều tra kết luận có dumping ở thời gian trước, thuế có thể được áp hồi tố lên các lô đã nhập kể từ thời điểm đăng ký, gây thiệt hại tài chính cho xuất khẩu trước đó.

Để chứng minh không bán phá giá, doanh nghiệp phải có hồ sơ chi phí/giá vốn minh bạch, nếu không, Ủy ban EC có thể sử dụng giả định bất lợi (dumping margin). Đồng thời, CBAM và yêu cầu giảm phát thải khiến chi phí sản xuất tăng, gián tiếp làm giảm khả năng cạnh tranh giá.

III. ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Dự báo xu hướng

Theo Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 70 quốc gia (chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới) tháng 7/2025 đạt 150,1 triệu tấn, giảm 1,3% so với tháng 7/2024. Trong đó, Trung Quốc - quốc gia sản xuất thép hàng đầu - giảm 4,0 % (đạt 79,7 triệu tấn), Nhật Bản giảm 2,5% (đạt 6,9 triệu tấn), Hàn Quốc giảm 4,7% (đạt 5,3 triệu tấn), Nga giảm 2,4% (đạt 5,7 triệu tấn), Đức giảm 13,7% (đạt 2,7 triệu tấn), Brazil giảm 5,5% (đạt 2,9 triệu tấn) ... Nhưng nhiều nguồn cung lớn lại tăng như Ấn Độ tăng 14,0% (đạt 14,0 triệu tấn), Hoa Kỳ tăng 4,8% (đạt 7,1 triệu tấn), Thổ Nhĩ Kỳ tăng 4,2% (đạt 3,2 triệu tấn),

Tính chung 7 tháng đầu năm nay, sản lượng thép thô thế giới của 70 quốc gia đạt gần 1,09 tỷ tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định trong Báo cáo tháng 5/2025 là thị trường thép toàn cầu chưa thể phục hồi trong cuối năm 2025, áp lực dư thừa công suất còn lớn. Các chỉ báo thị trường của Fastmarkets / Eurometal / S&P cho thấy nhu cầu vẫn yếu trong khi sản lượng sản xuất ở các khu vực không giảm, đặc biệt Ấn Độ & Đông Nam Á lại tăng công suất mạnh (Ấn Độ tăng sản lượng đáng kể), nên giá khó phục hồi trước những tháng cuối năm 2025.

Trong báo cáo quý 2/2025, Hiệp hội thép châu Âu (Eurofer) dự báo tiêu thụ thép của EU-27 năm 2025 sẽ giảm khoảng 0,9% so với 2024 bởi các yếu tố bất lợi như thuế Mỹ, bất ổn thương mại, chi phí năng lượng cao, nhu cầu công nghiệp yếu. Trong đó, nhu cầu sử dụng thép trong các ngành tiêu thụ lớn (xây dựng, ô tô, máy móc, thiết bị điện) của EU đang tiếp tục suy giảm hoặc gần như không thay đổi, đặc biệt trong ngành ô tô có mức giảm đáng kể.

Bảng 5: Sản lượng thép thô thế giới tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025

(70 quốc gia chiếm 98% tổng sản lượng thép thô thế giới)

Khu vực	Tháng 7/2025		7 tháng đầu năm 2025	
	Sản lượng (triệu tấn)	So T7/2024 (%)	Sản lượng (triệu tấn)	So 7T/2024 (%)
Châu Phi	1,9	-2,0	13,4	4,0
Châu Á và Châu Đại Dương	110,4	-1,9	804,8	-1,8
Liên minh châu Âu (27)	10,2	-7,0	75,6	-3,8
Các thị trường khác ở Châu Âu	3,6	2,6	24,5	-5,4
Trung Đông	4,4	27,7	32,3	-0,9
Bắc Mỹ	9,4	5,8	63,0	1,0
Nga và các nước CIS khác + Ukraine	6,7	-5,1	48,6	-4,8
Nam Mỹ	3,6	-4,5	24,1	-1,0

Khu vực	Tháng 7/2025		7 tháng đầu năm 2025	
	Sản lượng (triệu tấn)	So T7/2024 (%)	Sản lượng (triệu tấn)	So 7T/2024 (%)
Tổng 70 quốc gia	150,1	-1,3	1086,2	-1,9

Nguồn: Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)

2. Một số khuyến nghị

EVFTA có quy định quy tắc xuất xứ (RoO) cụ thể để sắt thép xuất khẩu của Việt Nam sang EU được hưởng ưu đãi thuế. Doanh nghiệp phải chứng minh sản phẩm “có nguồn gốc” theo yêu cầu (xử lý/gia công đủ tiêu chí). Nếu thép Việt Nam sử dụng nhiều nguyên liệu nhập khẩu (phôi, cuộn cán nóng nhập khẩu), không đạt điều kiện RoO thì sẽ không được hưởng ưu đãi. Vì vậy, đầu vào nội địa hóa và chứng từ truy xuất nguồn gốc là then chốt.

EU đòi hỏi tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường cao (như CE/relevant standards, REACH với hoá chất, các quy tắc kỹ thuật khác). Thép xây dựng và thép cán lạnh/phủ mạ nếu không đáp ứng TBT/CE/REACH có thể bị từ chối hoặc chịu chi phí tuân thủ lớn. Do đó doanh nghiệp còn cần năng lực quản lý chất lượng, thử nghiệm, chứng nhận phải được nâng cấp.

Theo đó, báo cáo đưa ra một số khuyến nghị cho các doanh nghiệp như sau:

- Đánh giá RoO cho từng mã HS: xác định mã nào được hưởng ưu đãi EVFTA — tối ưu hóa chuỗi cung ứng để đạt nguồn gốc (nội địa hóa hoặc chứng minh chuyển đổi đủ chắc chắn).

- Nâng cấp hệ thống quản lý chất lượng & chứng nhận: đầu tư phòng thí nghiệm, chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn EU (CE, REACH nếu cần) và quy trình kiểm tra trước xuất khẩu.

- Đa dạng hóa sản phẩm lên sản phẩm giá trị gia tăng (thép mạ, sản phẩm gia công) thay vì chỉ xuất khẩu thép cuộn/phôi thô vì lợi thế EVFTA lớn hơn đối với sản phẩm hoàn thiện.

- Theo dõi rủi ro phòng vệ: chuẩn bị hồ sơ pháp lý và bằng chứng về chi phí/giá thành nếu có điều tra chống bán phá giá; tránh chiến lược giá bán quá thấp có thể kích hoạt điều tra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://ec.europa.eu/eurostat>
2. <https://trungtamwto.vn/>
3. <https://thitruongthep.com/>
4. <https://worldsteel.org>
5. <https://www.marketsandmarkets.com/>
6. <https://www.fastmarkets.com>
7. <https://www.customs.gov.vn/>
8. <https://www.trademap.org/>